

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/07/2024
V/v “Ly hôn và nuôi con
chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang Thanh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thuận

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Bà Cao Thị Nhung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15/6/2023 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/06/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/07/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, Tp. Phú Quốc, Kiên Giang

* **Bị đơn: Chị Dương Kim N, sinh năm 1982**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, Tp. Phú Quốc, Kiên Giang

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (M)**

Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Lưu Trung T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Số C L, phường L, quận B, Tp .

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P – Tổng giám đốc

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Địa chỉ: Số A P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 - Trưởng phòng phát triển kinh doanh – Phòng G1, Ngân hàng TMCP Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và tại phiên toà anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên năm 2007, chị N và anh S tìm hiểu và tự nguyện yêu thương đến với nhau, chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên trong quá trình chung sống thì vợ chồng bất đồng quan điểm và mâu thuẫn trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh S và chị N đã ly thân 02 năm nay, anh S không còn tình cảm với chị N nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh S và chị N chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Dương Yên H1, sinh ngày 15/5/2008 và Nguyễn Dương Ngọc G, sinh ngày 07/4/2014. Anh S thống nhất giao H1 và G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh S cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 10.000.000 đồng, 02 con mỗi tháng 20.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S cam kết vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên toà, chị Dương Kim N trình bày: Chị N thừa nhận lời trình bày của anh S về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung là đúng. Nay không thể sống với nhau nữa nên chị N thống nhất ly hôn. Chị N đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung của anh S là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và giải quyết các khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân vì chị mong muốn khi đã ly hôn thì chị muốn được giải quyết và phân chia tài sản rõ ràng, chị N đã làm đơn yêu cầu phán tố nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí nên Toà án đã trả lại đơn cho chị.

Con chung – Nguyễn Dương Ngọc G và Nguyễn Dương Yên H1 trình bày: Sau khi cha mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày: Anh Nguyễn Thanh S và chị Dương Kim N không đứng tên vay vốn tại ngân hàng. Anh S chị N đang thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số

CT 049947 cấp ngày 12/12/2019 thửa đất số 1091, tờ bản đồ 14 diện tích 2000 m2 tọa lạc tại Ấp B, xã C, thành phố P để đảm bảo cho khoản vay 2.000.000.000 đồng của công ty TNHH Đ1 Nguyễn do anh Nguyễn Thanh S làm giám đốc đại diện theo pháp luật. Do đó ngân hàng TMCP Đ không khởi kiện anh S và chị N chung trong vụ án hôn nhân gia đình này. Ngân hàng sẽ khởi kiện anh S chị N cùng các bên liên quan trong vụ án khác khi xét thấy các bên vi phạm nghĩa vụ đã cam kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày: Anh Nguyễn Thanh S và chị Dương Kim N vay ngân hàng TMCP Q số tiền 5.000.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 111233.21.727.3309535.TD ký ngày 07/06/2021, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thu mua hải sản. Anh S chị N thế chấp 02 quyền sử dụng đất số BO 354864 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 29/08/2013 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 20, diện tích 1.000 m2 tọa lạc tại ấp Đ, xã B, huyện P, Kiên Giang và quyền sử dụng đất số CL 852811 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 22/03/2019 đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 21 diện tích 1.206,6 m2 tọa lạc tại ấp Đ, xã B, thành phố P. Tính đến ngày 13/05/2024, anh S chị N còn nợ ngân hàng số tiền 5.184.870.098 đồng, trong đó nợ gốc 4.995.913.698 đồng và nợ lãi là 189.956.400 đồng. Tuy nhiên, ngân hàng TMCP Q không khởi kiện anh S, chị N chung trong vụ án này, ngân hàng sẽ khởi kiện anh S chị N trong vụ án khác khi xét thấy các bên vi phạm nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tuy nhiên vụ án đến nay đã quá thời hạn xét xử. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng. Về thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Dương Kim N.

Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của anh S và chị N về việc thống nhất giao 02 con chung là cháu Nguyễn Dương Yên H1, sinh ngày 15/05/2008 và Nguyễn Dương Ngọc G, sinh ngày 07/04/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh S cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 10.000.000 đồng, 02 con là 20.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 17/07/2024.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về công nợ chung: Tại phiên tòa anh S, chị N thừa nhận còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ngân hàng thương mại cổ phần Q, tuy nhiên ngân hàng

thương mại cổ phần Đ và ngân hàng thương mại cổ phần Q không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Dương Kim N có địa chỉ tại ấp Đ, xã B, thành phố P, Kiên Giang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

Ngân hàng TMCP Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2, tuy nhiên ngân hàng đã có văn bản trình bày ý kiến không khởi kiện chung trong vụ án này nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của anh S và chị N thừa nhận quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tuy còn chung sống một nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại phiên hoà giải, Toà án động viên anh S, chị N để vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng không thành và anh chị thuận tình ly hôn. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P là hôn nhân hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Tại phiên hoà giải, anh S và chị N đã thoả thuận giao con 02 con chung là cháu Nguyễn Dương Yến H1, sinh ngày 15/05/2008 và Nguyễn Dương Ngọc G, sinh ngày 07/04/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh S cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 10.000.000 đồng, 02 con là 20.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, anh S chị N vẫn giữ nguyên thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 17/07/2024 sau ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận.

- Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Dương Kim N trình bày ý kiến yêu cầu Toà án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng với lý do khi đã ly hôn thì chị N mong muốn tất cả đều giải quyết và phân chia rõ ràng, đồng thời yêu cầu giải quyết các khoản nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy chị N

nộp đơn yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên chị không thực hiện nộp tạm ứng án phí theo quy định nên toà án đã trả đơn cho chị N. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu phân chia tài sản của chị N chung trong vụ án này, chị N có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án khác.

- Về nợ chung: Tại phiên toà anh S chị N thừa nhận có vay và còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần Đ và Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền như ý kiến trình bày của hai ngân hàng, tuy nhiên ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ngân hàng thương mại cổ phần Q không khởi kiện chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Chị Dương Kim N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,
QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Dương Kim N.

- **Về con chung:** Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Dương Yến H1, sinh ngày 15/05/2008 và Nguyễn Dương Ngọc G, sinh ngày 07/04/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh S cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 10.000.000 đồng, 02 con là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 17/07/2024.

Anh S được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích chung của con, anh S và chị N có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và công nợ chung:** Anh S và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con anh S phải chịu 150.000 đồng. Anh S đã nộp

tạm ứng án phí số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0009228 ngày 06/06/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, nay được khấu trừ vào tiền án phí, anh S được nhận lại số tiền 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Chị N không phải chịu án phí.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- Chi cục THADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang Thanh